

Phụ lục I
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2022	Định hướng đến năm 2030	
I	Hệ thống đô thị	12	22	
1	Thành phố Cao Lãnh mở rộng	II	I	Thành phố tỉnh lỵ, phần đầu đạt một số tiêu chí đô thị loại I
2	Thành phố Sa Đéc mở rộng	II	I	Thành phố thuộc tỉnh, phần đầu đạt một số tiêu chí đô thị loại I
3	Thành phố Hồng Ngự mở rộng	III	II	Thành phố thuộc tỉnh, phần đầu đạt đô thị loại II (đô thị đặc thù có đường biên giới quốc gia)
4	Thị trấn Mỹ An mở rộng (huyện Tháp Mười)	IV	III	Thị trấn huyện lỵ, mở rộng phạm vi, phần đầu thành lập thị xã; đạt một số tiêu chí đô thị loại III
5	Thị trấn Lấp Vò mở rộng	IV	IV	Thị trấn huyện lỵ
6	Thị trấn Mỹ Thọ mở rộng	IV	IV	Thị trấn huyện lỵ
7	Thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn mở rộng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
8	Thị trấn Thanh Bình mở rộng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
9	Thị trấn Thường Thới Tiền	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
10	Thị trấn Sa Rài mở rộng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
11	Thị trấn Tràm Chim mở rộng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
12	Thị trấn Lai Vung mở rộng	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
13	Đô thị An Long	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
14	Đô thị Trường Xuân	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2022	Định hướng đến năm 2030	
15	Đô thị Mỹ Hiệp	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
16	Đô thị Mỹ An Hưng B	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
17	Đô thị Tân Khánh Trung	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
18	Đô thị Vĩnh Thạnh	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
19	Đô thị Định Yên	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
20	Đô thị Tân Thành	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
21	Đô thị Dinh Bà	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
22	Đô thị Thường Phước	-	V	Phần đầu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
II	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	28	42	

Ghi chú:

- Nội dung định hướng nâng cấp đô thị nêu trên sẽ được định kỳ xem xét, điều chỉnh để đảm phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tình hình phát triển đô thị của tỉnh và Kế hoạch, chương trình phát triển đô thị quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU KINH TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm	Ghi chú
	Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng	- Quyết định số 191/2001/QĐ-TTg ngày 13/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng chính sách Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; - Quyết định số 166/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; - Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 09/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030. - Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
A	Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022			
I	Các khu công nghiệp đã thành lập			
1	Khu công nghiệp Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	132	
2	Khu công nghiệp Trần Quốc Toản	Thành phố Cao Lãnh	56	
3	Khu công nghiệp Sông Hậu	Huyện Lai Vung	63	
4	Khu công nghiệp Tân Kiều	Huyện Tháp Mười	148	
	Tổng cộng I		400	
II	Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh	190	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp
2	Khu công nghiệp Cao Lãnh II	Huyện Cao Lãnh	110	
3	Khu công nghiệp Cao Lãnh III	Huyện Cao Lãnh	94	
4	Khu công nghiệp Sông Hậu 2	Huyện Lấp Vò	282	
5	Khu công nghiệp Hòa Tân	Huyện Châu Thành	190	
	Tổng cộng II		866	
	Tổng cộng (I+II)		1.266	
B	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới và mở rộng trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	Khu công nghiệp Ba Sao	Huyện Cao Lãnh	150	
2	Khu công nghiệp Sông Hậu 3	Huyện Lai Vung	300	

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
3	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò	450	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp
4	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Cao Lãnh mở rộng	Huyện Cao Lãnh	660	Là phần diện tích mở rộng thêm
5	Khu công nghiệp Cao Lãnh II mở rộng	Huyện Cao Lãnh	790	Là phần diện tích mở rộng thêm
6	Khu công nghiệp Sông Hậu 2 mở rộng	Huyện Lấp Vò	428	Là phần diện tích mở rộng thêm
7	Khu công nghiệp Hòa Tân mở rộng	Huyện Châu Thành	610	Là phần diện tích mở rộng thêm
Tổng cộng			3.388	
Luỹ kế các khu công nghiệp			4.654	
C	Các khu công nghiệp tiềm năng trong Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành lập mới			
1	Khu công nghiệp Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	1.000	
2	Khu công nghiệp Bình Thạnh	Thành phố Hồng Ngự	300	
3	Khu công nghiệp Dinh Bà	Huyện Tân Hồng	500	
Tổng cộng			1.800	

Ghi chú:

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Phạm vi, quy mô, diện tích khu công nghiệp trong khu kinh tế được xác định theo Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế.

- Tên và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động		443	
1	Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Huyện Châu Thành	41,4	Thủy sản; bao bì, phân bón vi sinh
2	Cụm công nghiệp Tân Dương	Huyện Lai Vung	16,6	Sản xuất gạch, ngói, gốm sứ xuất khẩu
3	Cụm công nghiệp Vàm Cống	Huyện Lấp Vò	18,7	Thủy sản, thức ăn; phụ phẩm từ chế biến thủy sản
4	Cụm công nghiệp Bắc Sông Xáng	Huyện Lấp Vò	15,4	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến lương thực
5	Cụm công nghiệp Trường Xuân	Huyện Tháp Mười	93,1	Lương thực; cơ khí; thủ công mỹ nghệ; nông sản
6	Cụm công nghiệp Cần Lố	Huyện Cao Lãnh	15,0	Sản xuất dược liệu, cồn y tế
7	Cụm công nghiệp Bình Thành	Huyện Thanh Bình	49,3	Thức ăn chăn nuôi thủy sản; chế biến lương thực
8	Cụm công nghiệp Phong Mỹ	Huyện Cao Lãnh	5,5	Chế biến thức ăn thủy sản
9	Cụm công nghiệp An Bình	Huyện Cao Lãnh	16,5	Chế biến thực phẩm từ gia cầm, thủy cầm và gia súc
10	Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh	58,0	Thức ăn gia súc; thủy sản; nông sản; sản xuất phân bón
11	Cụm công nghiệp Phú Cường	Huyện Tam Nông	14,5	Thủy sản, thức ăn chăn nuôi; chế biến lương thực
12	Cụm công nghiệp Định An	Huyện Lấp Vò	49,9	May mặc; chế biến nông sản, lương thực; chế biến thủy sản, thức ăn chăn nuôi; sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp
13	Cụm công nghiệp Tân Lập	Huyện Châu Thành	49,6	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến thức ăn gia súc
Tổng cộng (I)			443	

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
II	Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật			
III	Các cụm công nghiệp thành lập mới		1.180	
1	Cụm công nghiệp An Hòa	Thành phố Hồng Ngự	43	
2	Cụm công nghiệp Quảng Khánh	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh	50	
3	Cụm công nghiệp Tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Cao Lãnh	50	
4	Cụm công nghiệp Tân Thạnh	Huyện Thanh Bình	74	
5	Cụm công nghiệp Vĩnh Thới	Huyện Lai Vung	75	
6	Cụm công nghiệp Phú Hiệp	Huyện Tam Nông	75	
7	Cụm công nghiệp Tân Phú Đông	Thành phố Sa Đéc	15	
8	Cụm công nghiệp Khởi nghiệp	Thành phố Hồng Ngự	29	
9	Cụm công nghiệp Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	75	
10	Cụm công nghiệp Tân Lập 2	Huyện Châu Thành	50	
11	Cụm công nghiệp Phong Hoà	Huyện Lai Vung	75	
12	Cụm công nghiệp Phú Thành A	Huyện Tam Nông	75	
13	Cụm công nghiệp Tân Phước	Huyện Tân Hồng	75	
14	Cụm công nghiệp An Phong	Huyện Thanh Bình	75	
15	Cụm công nghiệp Bình Hưng	Thành phố Hồng Ngự	69	

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
16	Cụm công nghiệp Tân Thành B	Huyện Tân Hồng	50	
17	Cụm công nghiệp Hoà Bình	Huyện Tam Nông	75	
18	Cụm công nghiệp Phương Thịnh	Huyện Cao Lãnh	75	
19	Cụm công nghiệp Mỹ Xương	Huyện Cao Lãnh	75	
Tổng cộng (I) + (II) + (III)			1.623	

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.



Phụ lục V

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC VÙNG SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG DO BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	
1	Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc và các huyện Hồng Ngự, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành
2	Dự án Trại nhân giống vật nuôi chất lượng cao đồng bằng sông Cửu Long	Các huyện, thành phố
3	Dự án Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố
4	Hạ tầng phục vụ sản xuất vùng xoài	Các huyện, thành phố
II	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
1	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Các huyện, thành phố
2	Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng cơ giới hoá kết hợp với nông nghiệp thông minh và ứng dụng tiến bộ khoa học trong xây dựng chuỗi giá trị hàng hoá nông nghiệp	Các huyện, thành phố
3	Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi tập trung nông, thủy sản chủ lực	Các huyện, thành phố
4	Phát triển các tiểu khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thành phố
5	Phát triển chuỗi giá trị hàng hóa nông nghiệp gắn với các ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc hàng hóa	Các huyện, thành phố
III	DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ	
1	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
2	Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
3	Điểm dừng chân Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
4	Khu sản xuất giống thủy sản tập trung	Huyện Lấp Vò
5	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch nghỉ dưỡng nông nghiệp Cồn Đông Giang	Thành phố Sa Đéc
6	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò
7	Vùng chuyên canh cây ăn trái - nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch ứng dụng công nghệ cao	Huyện Cao Lãnh
8	Vùng chuyên canh hoa màu ứng dụng công nghệ cao	Huyện Thanh Bình
9	Vùng chuyên canh cây ăn trái kết hợp với du lịch Tân Thuận Đông	Thành phố Cao Lãnh
10	Nhà máy chế biến trái cây, rau, củ, quả	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
11	Nhà máy chế biến các sản phẩm sau gạo	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
12	Dự án sản xuất, chế tạo máy cơ khí phục vụ cho ngành nông nghiệp	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
13	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Huyện Cao Lãnh
14	Cơ sở chế biến sau thu hoạch củ kiệu và khoai môn	Huyện Thanh Bình
15	Nhà máy chế biến rau quả đông lạnh	Huyện Thanh Bình
16	Đầu tư phát triển du lịch miệt vườn kết hợp tham quan trải nghiệm vùng Cù Lao Tây	Huyện Thanh Bình
17	Vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao	Huyện Hồng Ngự
18	Vùng sản xuất cây có múi ứng dụng công nghệ cao	Huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò
19	Vùng sản xuất xoài ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Thanh Bình
20	Vùng sản xuất hoa kiểng ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Sa Đéc, huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
21	Vùng sản xuất cá tra giống ứng dụng công nghệ cao	Huyện Châu Thành, huyện Cao Lãnh
22	Vùng sản xuất tôm càng xanh ứng dụng công nghệ cao	Huyện Tam Nông, huyện Cao Lãnh
23	Vùng chăn nuôi vịt ứng dụng công nghệ cao	Huyện Tháp Mười

Ghi chú: Các dự án, công trình khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương. Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục VI
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU DU LỊCH XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch sinh thái Tràm Chim	Huyện Tam Nông
2	Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng	Huyện Cao Lãnh
3	Khu du lịch sinh thái Xẻo Quýt	Huyện Cao Lãnh
4	Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Tân Thuận Đông	Thành phố Cao Lãnh
6	Khu du lịch nông nghiệp nghỉ dưỡng Cồn Đông Giang	Thành phố Sa Đéc
7	Khu nghỉ dưỡng ven sông Tiền	Thành phố Cao Lãnh
8	Khu đô thị du lịch sông Tiền	Thành phố Sa Đéc
9	Khu đô thị và du lịch thể giới hoa	Thành phố Sa Đéc
10	Khu du lịch sinh thái tâm linh, chăm sóc sức khỏe kết hợp trải nghiệm làng nghề Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự

Ghi chú:

- Các khu, điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan thực hiện cụ thể hóa tên, vị trí, ranh giới, diện tích, nguồn vốn đầu tư của các công trình, lộ trình thực hiện các công trình, dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, đô thị đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



Phụ lục VII

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU BẢO TỒN, DI TÍCH LỊCH SỬ -
VĂN HÓA, KHU VỰC CẦN ĐƯỢC BẢO QUẢN, TU BỒ,
TÔN TẠO, PHỤC HỒI KHÁC TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
I	DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT	
	Di tích Quốc gia đặc biệt Gò Tháp	Huyện Tháp Mười
II	DI TÍCH QUỐC GIA	
1	Đền thờ ông bà Đỗ Công Tường	Thành phố Cao Lãnh
2	Di tích mộ Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc	Thành phố Cao Lãnh
3	Di tích lịch sử khu căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong (Xẻo Quít)	Huyện Cao Lãnh
4	Chùa Kiến An Cung (chùa Ông Quách)	Thành phố Sa Đéc
5	Nhà cổ ông Huỳnh Cẩm Thuận	Thành phố Sa Đéc
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng (chùa Cả Cát)	Huyện Lai Vung
7	Di tích Đình Định Yên	Huyện Lấp Vò
8	Di tích Đình Long Khánh	Huyện Hồng Ngự
9	Di tích Đình Phú Hựu	Huyện Châu Thành
10	Di tích Đình Tân Phú Trung	Huyện Châu Thành
11	Đình Tân Nhuận Đông	Huyện Châu Thành
12	Vườn quốc gia Tràm Chim	Huyện Tam Nông
13	Di tích lịch sử lưu niệm cơ quan giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ	Huyện Tam Nông
14	Di tích lịch sử tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung	Huyện Tân Hồng
15	Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng	huyện Thanh Bình
16	Vụ Thảm sát Bình Thành	huyện Thanh Bình
17	Địa điểm tập kết ra Bắc năm 1954 tại Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
III	DI TÍCH CẤP TỈNH	
1	Văn Thánh Miếu	Thành phố Cao Lãnh
2	Bia Tiền Hiền Nguyễn Tú	Thành phố Cao Lãnh
3	Đền thờ tam vị đại thần và tượng thờ cụ Thống Linh	Thành phố Cao Lãnh
4	Bia lưu niệm nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
5	Khu căn cứ kháng chiến của Thị xã ủy Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
6	Cụm di tích Dinh Quận, Dinh Cò Tây, Nhà thầy thuốc Lư, Phòng tra tấn và phòng biệt giam	Thành phố Cao Lãnh

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
7	Mộ ông Phan Văn Cử	Thành phố Cao Lãnh
8	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
9	Mộ Cụ Nguyễn Quang Diêu	Thành phố Cao Lãnh
10	Di tích Đình Mỹ Ngãi	Thành phố Cao Lãnh
11	Di tích Đình Tân Tịch	Thành phố Cao Lãnh
12	Di tích Đình Tân An	Thành phố Cao Lãnh
13	Nhà tưởng niệm Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Văn Phối	Thành phố Cao Lãnh
14	Di tích Đình Tân Thuận Tây	Thành phố Cao Lãnh
15	Di tích Đình Tịnh Thới	Thành phố Cao Lãnh
16	Chùa Bửu Lâm	Huyện Cao Lãnh
17	Căn cứ kháng chiến của Huyện ủy Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh
18	Di tích chống lấn chiếm Vàm Xáng Mỹ Thọ	Huyện Cao Lãnh
19	Đình Mỹ Long	Huyện Cao Lãnh
20	Đình Thượng Văn	Huyện Cao Lãnh
21	Di tích Triều Âm Tự	Huyện Cao Lãnh
22	Phủ thờ Thụ Ngọc Hầu - Nguyễn Văn Thụ	Huyện Cao Lãnh
23	Đình Bình Hàng Trung	Huyện Cao Lãnh
24	Địa điểm đóng quân của lực lượng an ninh Khu 8	Huyện Cao Lãnh
25	Đình Mỹ Hội	Huyện Cao Lãnh
26	Đình Trà Bông	Huyện Cao Lãnh
27	Đình Phong Mỹ	Huyện Cao Lãnh
28	Nơi diễn ra trận tiêu diệt Thiếu tướng Chanson và Thủ hiến Thái Lập Thành	Thành phố Sa Đéc
29	Rẫy Cụ Hồ	Thành phố Sa Đéc
30	Đình Vĩnh Phước	Thành phố Sa Đéc
31	Chùa Thiên Hậu	Thành phố Sa Đéc
32	Tòa Hành chánh tỉnh Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
33	Bia Chi đội Hải Ngoại Trần Phú	Thành phố Sa Đéc
34	Trụ sở Ủy ban Khởi nghĩa	Thành phố Sa Đéc
35	Di tích nhà cổ ông Nguyễn Thành Giung	Thành phố Sa Đéc
36	Di tích Đình Tân Quy Tây	Thành phố Sa Đéc
37	Di tích nhà cổ Trần Phú Cương	Thành phố Sa Đéc
38	Nơi thành lập một trong những Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Cần Thơ	Huyện Lai Vung
39	Đình Tân Dương và Bức phù điêu Tân Dương	Huyện Lai Vung
40	Đình Phong Hòa	Huyện Lai Vung
41	Đình Vĩnh Thới - Tân Hòa	Huyện Lai Vung
42	Tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát ở Long Hưng B	Huyện Lấp Vò
43	Đình Tòng Sơn và nơi thờ Phật Thầy Tây An	Huyện Lấp Vò
44	Vụ thảm sát nhân dân ở Mương Chùa	Huyện Lấp Vò
45	Mộ Ông Nguyễn Văn Ở	Huyện Lấp Vò

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
46	Di tích Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Huyện Lấp Vò
47	Đình Tân An Trung	Huyện Lấp Vò
48	Di tích Bia ghi dấu sự kiện thành lập Chi bộ đầu tiên ở Lấp Vò	Huyện Lấp Vò
49	Di tích Vụ thăm sát nhân dân ở Rạch Cái Dứa	Huyện Lấp Vò
50	Di tích đình Long Khánh	Huyện Lấp Vò
51	Cụm di tích Đình Cai Châu - Đài chiến sĩ trận Vọng và nhà bia tưởng niệm Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò
52	Di tích Khu du lịch văn hóa Phương Nam	Huyện Lấp Vò
53	Đình Bình Thạnh Trung	Huyện Lấp Vò
54	Đình Hội An Đông	Huyện Lấp Vò
55	Đình Long Hưng A	Huyện Lấp Vò
56	Đình Bình Thành	Huyện Lấp Vò
57	Đình Mỹ An Hưng B	Huyện Lấp Vò
58	Phòng tuyến Cái Tàu Hạ	Huyện Châu Thành
59	Căn cứ Tỉnh ủy Vĩnh Long	Huyện Châu Thành
60	Di tích Đình Long Thuận	Huyện Hồng Ngự
61	Di tích Miếu Bà Chúa Xứ	Huyện Hồng Ngự
62	Di tích Long Khương Miếu	Huyện Hồng Ngự
63	Đình Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
64	Di tích Đình Thường Lạc	Thành phố Hồng Ngự
65	Di tích Đình Tân Hội	Thành phố Hồng Ngự
66	Di tích Quan Đế Miếu	Thành phố Hồng Ngự
67	Di tích Bia kỷ niệm nơi thành lập lực lượng địa phương quân Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
68	Địa điểm ghi danh các vị trấn thủ Vùng đất Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
69	Di tích Đình Phú Thành A	Huyện Tam Nông
70	Di tích Đình An Long	Huyện Tam Nông
71	Mộ Tiền hiền Huỳnh Công Huy	Huyện Tân Hồng
72	Gò Chùa Tân Long	Huyện Tân Hồng
73	Di tích Chùa Phước Thiện	Huyện Tân Hồng
74	Căn cứ kháng chiến Cả Tráp	Huyện Tân Hồng
75	Di tích Đình Ngã Ba Thông Bình	Huyện Tân Hồng
76	Khu căn cứ Bắc Dầu Quán Tre	Huyện Thanh Bình
77	Di tích Đình An Phong	Huyện Thanh Bình
78	Di tích Đình Tân Long	Huyện Thanh Bình
79	Miếu Bà Chúa Xứ	Huyện Thanh Bình
80	Đình Tân Phú	Huyện Thanh Bình
81	Đình Tân Thạnh	Huyện Thanh Bình
82	Vụ Thăm sát Lợi An	Huyện Tháp Mười

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
83	Chống lấn chiếm kinh Ba Mỹ Điền	Huyện Tháp Mười
84	Di tích địa điểm Đồng khởi chiến thắng giải phóng xã Thanh Mỹ	Huyện Tháp Mười
85	Miếu Bà chúa Xứ	Huyện Tháp Mười
86	Bia chiến thắng trận đánh Pháp năm 1949 của Tiểu đoàn 307	Huyện Tháp Mười
87	Đền thờ Đốc Binh Kiều	Huyện Tháp Mười

Ghi chú:

- Các khu bảo tồn, điểm di tích văn hoá - lịch sử thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành quốc gia có liên quan và quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định pháp luật.

Phụ lục VIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
A	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC			
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050			
B	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH			
I	Nâng cấp, cải tạo			
1	ĐT.841	Giao đường Hùng Vương - Nguyễn Huệ	Cửa khẩu Thường Phước	III, 2 - 4 làn xe
2	ĐT.842	Tuyến tránh quốc lộ 30, thành phố Hồng Ngự	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tân Hồng)	III, 2 - 4 làn xe
3	ĐT.843	Giao quốc lộ 30, thị trấn Thanh Bình	Bến đò Long Sơn Ngọc	III - IV, 2 - 4 làn xe
4	ĐT.844	Quốc lộ 30, huyện Tam Nông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	Quy hoạch thành quốc lộ 30C
5	ĐT.845	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Tiền Giang (huyện Tháp Mười)	Cửa khẩu Bình Phú	III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.846	Giao quốc lộ 30, thành phố Cao Lãnh	Ranh tỉnh Tiền Giang - Đồng Tháp (huyện Tháp Mười)	Quy hoạch thành quốc lộ 30B
7	ĐT.848			
-	Đoạn 1: Từ Nguyễn Sinh Sắc đến vành đai ĐT.848	Giao đường Nguyễn Sinh Sắc	Giao vành đai ĐT.848	Quy hoạch thành đường đô thị

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
-	Đoạn 2: Từ vành đai ĐT.848 đến tỉnh Đồng Tháp - An Giang	Giao vành đai ĐT.848	Ranh tỉnh Đồng Tháp - An Giang (huyện Lấp Vò)	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
8	Vành đai ĐT.848	Giao ĐT.848	Giao quốc lộ 80, thành phố Sa Đéc	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
9	ĐT.849	Giao quốc lộ 80B, huyện Lấp Vò	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	III, 2 - 4 làn xe
10	ĐT.850	Bến phà Sa Đéc, huyện Cao Lãnh	Giao với đường Hồ Chí Minh (quốc lộ 30B)	III, 2 - 4 làn xe
11	ĐT.851	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	III, 2 - 4 làn xe
12	ĐT.852	Giao ĐT.848, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.854 (mới), huyện Châu Thành	III, 2 - 4 làn xe
13	ĐT.852B	Giao ĐH.64, huyện Lấp Vò	Giao ĐT.848 (mới), huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
14	ĐT.853	Giao quốc lộ 80, thành phố Sa Đéc	Bến phà Phong Hòa - Thới An	III, 2 - 4 làn xe
15	ĐT.854	Giao quốc lộ 80, xã Tân Nhuận Đông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	Quy hoạch thành đường huyện
16	ĐT.855	Giao ĐT.844, thị trấn Tràm Chim	Giao đường liên xã Hòa Bình - Phước Xuyên	Quy hoạch thành đường huyện
17	ĐT.856	Giao tuyến tránh quốc lộ 30, thành phố Cao Lãnh	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
18	ĐT.857	Giao quốc lộ 30, huyện Thanh Bình	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
II	Xây dựng mới			
1	ĐT.843B	Giao ĐT.842, huyện Tân Hồng	Giao quốc lộ 30, huyện Tân Hồng	III, 2 - 4 làn xe
2	ĐT.844 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Tam Nông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
			(huyện Tam Nông)	
3	ĐT.846 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Tiền Giang (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
4	ĐT.846B	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Giao quốc lộ 30B, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
5	ĐT.847	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Giao quốc lộ 30C, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.848 (mới)	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.848B, huyện Lấp Vò	II - III, 2 - 4 làn xe
-	Đoạn 1: Từ quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc đến ĐT.849	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.849, huyện Lấp Vò	II, 2 - 4 làn xe
-	Đoạn 2: Từ ĐT.849 đến ĐT.848B	Giao ĐT.849, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò	Giao ĐT.848B, huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
7	ĐT.848B	Giao quốc lộ 80, huyện Lấp Vò	Giao quốc lộ 80B, huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
8	ĐT.849B	Giao quốc lộ 80, huyện Lấp Vò	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Lai Vung)	III, 2 - 4 làn xe
9	ĐT.851B	Giao ĐT.852 (kéo dài), huyện Lai Vung	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	III, 2 - 4 làn xe
10	ĐT.852C	Giao quốc lộ 80, huyện Lai Vung	Giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông, huyện Châu Thành	III, 2 - 4 làn xe
11	ĐT.853B	Ranh thành phố Cần Thơ - tỉnh Đồng Tháp (huyện Lai Vung)	Giao ĐT.850, huyện Cao Lãnh	II - III, 2 - 4 làn xe
12	ĐT.854 (mới)	Giao quốc lộ 80, huyện Châu Thành	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
13	ĐT.854B	Giao quốc lộ 80, huyện Châu Thành	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	III, 2 - 4 làn xe
14	ĐT.855 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Thanh Bình	Giao ĐT.845, huyện Tam Nông	III, 2 - 4 làn xe
15	ĐT.855B	Giao ĐT.842, huyện Tân Hồng	Giao ĐT.856 (kéo dài), huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
16	ĐT.856B	Giao ĐT.855 (mới), huyện Thanh Bình	Giao ĐT.845, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.

- Các đoạn đường qua đô thị, qua các khu chức năng thì quy mô, hướng tuyến cụ thể được thực hiện theo quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng hoặc quy hoạch chuyên ngành.

Phụ lục IX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA VÀ CẢNG
THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia, cảng thủy nội địa trung ương quản lý trên địa bàn được thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cảng biển

Cảng biển

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Chức năng	Cỡ tàu/ quy mô
I	Các cảng, bến hiện hữu				
1	Cảng Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	Là cảng tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, bến khách	5.000 DWT
2	Cảng Trần Quốc Toản	Thành phố Cao Lãnh	Sông Tiền		5.000 DWT
3	Cảng Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	Sông Tiền		5.000 DWT
II	Các cảng, bến xây dựng mới				
1	Cảng Lấp Vò	Huyện Lấp Vò	Sông Hậu	Là cảng tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, bến khách	10.000 DWT
2	Các khu bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão				5.000 - 10.000 DWT
3	Các cảng biển tiềm năng khác				5.000 - 10.000 DWT

B. TUYỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

1. Tuyển đường thủy nội địa

TT	Tên tuyển đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
I	Các tuyển hiện có		
1	Kênh Kháng Chiến	VI	VI
2	Kênh Phú Hiệp	V	V
3	Kênh Đốc Vàng Hạ - Đường Gạo	V	V
4	Sông Cái Nhỏ	IV	III
5	Kênh Thầy Lâm	VI	VI
6	Sông Dưa - rạch Nha Môn Tư Tải	VI	V
7	Sông Sở Thượng	V	V
8	Kênh Đường Thét	V	V
9	Kênh Tân Thành - Lò Gạch (bao gồm rạch Bù Góc)	V	V
10	Rạch Cần Lố	V	V
11	Sông Cao Lãnh	VI	V
12	Sông Cái Sao Thượng (bao gồm kênh Vạn Thọ)	VI	V
13	Nhánh sông Tiền (Bình Thành)	IV	IV
14	Kênh Tân Công Chí	VI	V
15	Kênh An Phong - Mỹ Hòa	VI	V
16	Sông Sở Hạ	VI	V
17	Kênh Tứ Thường	VI	VI
18	Kênh Tân Công Sính 1	VI	V
19	Kênh Tân Thành	VI	V
20	Rạch Cái Cái	VI	V
21	Kênh An Bình	VI	IV
22	Sông Cái Vừng	IV	IV
23	Kênh Đốc Vàng Thượng	V	IV
24	Kênh 2/9	VI	V
25	Kênh Cái Bèo	VI	VI
26	Kênh 307 và một đoạn kênh đào	VI	V
27	Kênh Dương Hòa - Long Thắng	VI	V

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
28	Kênh Xáng số 1 - Rạch Miếu	VI	VI
29	Rạch Cái Tàu Hạ - Cái Vồn	VI	V
30	Kênh Nguyễn Văn Tiếp B	IV	IV
31	Kênh Bà Thâm - Xã Hời	VI	IV
32	Kênh Xáng Lắp Vò 2 (kênh Ông Phủ)	VI	VI
II	Các tuyến chuyển cho huyện quản lý		
1	Rạch Lai Vung (bao gồm rạch Lai Vung, sông Hòa Long, kênh Phó Cừu, rạch Cái Sâu)	VI	VI
2	Kênh Sa Rài	VI	VI
3	Kênh Phú Đức	VI	VI
4	Kênh Bông Súng - kênh Cùg - Long Thắng	VI	VI
5	Kênh Cần Thơ - Huyện Hàm	VI	VI
6	Kênh Bình Thành 4	VI	VI

2. Cảng thủy nội địa hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)
I	Các cảng, bến hiện có					
	Cảng Bảo Mai	Huyện Lai Vung	Sông Hậu	15.000	500.000	15
II	Các cảng, bến xây dựng mới					
1	Cảng sông Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	Kênh Lắp Vò - Sa Đéc	300	500.000	10
2	Cảng Phong Hòa	Huyện Lai Vung	Sông Hậu	10.000	500.000	15
3	Cảng Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự	Sông Tiền	5.000	1.000.000	15
4	Cảng Tân Mỹ	Huyện Lắp Vò	Sông Tiền	5.000	500.000	10
5	Cảng Cao Lãnh 3	Huyện Cao Lãnh	Sông Tiền	5.000	50.000	10
6	Một số cảng khác			1.000 - 3.000	600.000	20

3. Cảng, bến thủy nội địa hành khách

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt hành khách/năm)	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)
I	Các cảng hiện có					
II	Các cảng xây dựng mới					
1	Cảng hành khách Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh	Sông Tiền	100		0,5
2	Cảng hành khách Sa Đéc 1	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	100		0,5
3	Cảng hành khách Sa Đéc 2	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	250		0,5
4	Cảng hành khách Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự	Sông Tiền	100		0,5
5	Một số cảng khác			100 - 250		2,0

Ghi chú:

- Hệ thống cảng tỉnh Đồng Tháp và việc đầu tư các dự án bến cảng thủy nội địa và cảng biển trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài các dự án nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.

Phụ lục X
DANH MỤC DỰ KIẾN SÂN BAY
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án	Địa điểm
1	Sân bay chuyên dùng	Huyện Hồng Ngự
2	Sân bay chuyên dùng	Thành phố Sa Đéc
3	Sân bay chuyên dùng	Bắc sông Tiền

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XI
DANH MỤC DỰ KIẾN NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Công trình cấp điện	Công suất dự kiến (MW)	Địa điểm dự kiến
I	Điện mặt trời tiềm năng phát triển khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật		
1	Điện mặt trời	1.300	Các huyện, thành phố
2	Điện mặt trời kết hợp sản xuất nông nghiệp	2.000	Các huyện, thành phố
3	Điện mặt trời kết hợp sản xuất hydro xanh	500	Các huyện, thành phố
II	Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác		
1	Năng lượng rác	13,2	Các huyện, thành phố
2	Năng lượng sinh khối	12,7	Các huyện, thành phố

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp 110 kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)	
		Hiện trạng	Công suất dự kiến
	* Xây dựng mới		
1	Mỹ Long		80
2	Khu công nghiệp Ba Sao		40
3	An Bình		63
4	Trường Xuân		80
5	Tân Kiều		63
6	Thanh Bình		80
7	Phú Hiệp		63
8	Tân Hồng		80

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)	
		Hiện trạng	Công suất dự kiến
9	Tân Hộ Cơ		40
10	Thường Phước 1		40
11	Sa Đéc 2		80
12	Khu công nghiệp Sa Đéc C		40
13	Tân Thành		80
14	Sông Hậu 2		40
15	Lấp Vò 2		40
	* Nâng cấp, cải tạo		
1	Trần Quốc Toàn	80	103
2	Tháp Mười	40	103
3	An Long	80	103
4	Tam Nông	40	103
5	Hồng Ngự	80	103
6	Sa Đéc	80	103
7	Nha Mân	40	80
8	Sông Hậu	40	80

II. Đường dây 110 kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x km)	
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến
	* Xây dựng mới		
1	Hồng Ngự - Vĩnh Hưng		1x49
2	An Long - Tam Nông		1x23,5
3	Đầu nối trạm 110kV Tân Thành		2x6,8
4	Đầu nối trạm 110kV Tân Hồng		2x6,8
5	Đầu nối trạm 110kV Trường Xuân		2x1
6	Đầu nối trạm 110kV Thanh Bình		2x2,2
7	Đầu nối trạm 110kV Mỹ Long		2x3,5
8	Lộ ra số 1 trạm 220kV Lấp Vò đầu nối đường dây 110kV An Hòa - Thạnh Hưng		2x2,3
9	Lộ ra số 2 trạm 220kV Lấp Vò đầu nối trạm 110kV Lấp Vò 2		2x5

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x km)	
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến
10	Lộ ra số 1 trạm 220kV Hồng Ngự		2x0,378
11	Lộ ra số 2 trạm 220kV Hồng Ngự		3x0,26
12	Lộ ra số 3 trạm 220kV Hồng Ngự		3x5,623
13	Đầu nối trạm 110kV khu công nghiệp Ba Sao		2x0,9
14	Đầu nối trạm 110kV An Bình		2x1
15	Đầu nối trạm 110kV Tân Kiều		2x6
16	Đầu nối trạm 110kV Phú Hiệp		2x9
17	Đầu nối trạm 110kV Tân Hộ Cơ		2x17,5
18	Hồng Ngự - Thường Phước 1		2x18,7
19	An Hòa - Khu công nghiệp Sa Đéc C		1x6,5
20	Đầu nối trạm 110kV Sông Hậu 2		2x8
21	Trạm 220kV Cao Lãnh - Mỹ Thuận		2x28
	* Nâng cấp, cải tạo		
1	An Long - Trạm 220kV Hồng Ngự	1x8	2x8
2	Vĩnh Long 2 - Sa Đéc	1x17	1x17
3	Trạm 220kV Ô Môn - Trạm 110kV Sông Hậu	1x7,7	2x7,7
4	Trạm 220kV Cao Lãnh - Tháp Mười	1x23	2x23
5	An Hòa - Trạm 220kV Sa Đéc	1x3,9	2x3,9
6	Trần Quốc Toàn - An Long	1x31,7	2x31,7
7	Trạm 110kV Cao Lãnh - Trần Quốc Toàn	1x12,9	2x12,9
8	Trạm 220kV Sa Đéc - Sông Hậu	1x15,4	2x15,4

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.

- Đầu tư các dự án nguồn điện, các trạm biến áp và tuyến đường dây phải bảo đảm phù hợp Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.

Phụ lục XII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

TT	Tên dự án/đề án	Mục tiêu
1	Xây dựng Đề án điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt khu vực đầu nguồn và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và đề xuất giải pháp phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo trong sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp
2	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (WebGIS) phục vụ công tác quản lý thủy lợi và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng hệ thống bản đồ trực tuyến phục vụ công tác quản lý trên nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số trong lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai
3	Xây dựng Đề án nghiên cứu sạt lở sông Tiền, sông Hậu và hệ thống kênh nội đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Quản lý và kiểm soát được vấn đề sạt lở do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh
4	Xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Nhằm giúp cho các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh chủ động trong công tác ứng phó, hạn chế tối đa thiệt hại về người, tài sản,... để khắc phục hậu quả sau thiên tai
5	Xây dựng Đề án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai chi tiết giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến 2050 phục vụ phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển thượng nguồn và nước biển dâng	Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp, định hướng phát triển, phương án công trình, kế hoạch đầu tư chi tiết cho thủy lợi và phòng chống thiên tai trong giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến 2050 nhằm đáp ứng được mục tiêu đảm bảo nguồn nước, kiểm soát nguồn nước,... phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh
6	Xây dựng Đề án cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Cụ thể hoá Luật thủy lợi, hạn chế tối đa xâm hại đến công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai, phục vụ công tác quản lý điều hành của ngành nông nghiệp

B. GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH

I. CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG KÊNH TRỰC CHÍNH VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI

TT	Tên dự án	Chiều dài (km)	Cấp kênh	Mục tiêu
1	Kênh Đốc Vàng Thượng	13	III	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh (gồm: (i) nạo vét; (ii) hoàn thiện hệ thống đê bao kết hợp đường giao thông dọc hai bên bờ kênh; (iii) bến tập kết hàng hoá; (iv) kè chống sạt lở bờ kênh) nhằm luân chuyển nguồn nước (tiêu thoát lũ, cung cấp nước tưới, điều hoà nguồn nước,...) kết hợp giao thông thuỷ bộ phục vụ cho các ngành kinh tế và ổn định đời sống các khu dân cư tập trung dọc tuyến kênh
2	Kênh Đốc Vàng Hạ	8	III	
3	Rạch Cái Tre	11	III	
4	Ngọn Cái Dầu - kênh Giáo Đường	11	III	
5	Kênh Cái Bèo	18	III	
6	Kênh Đồng Tiến - Lagrange	48	I	
7	Kênh An Phong - Mỹ Hoà	50	I	
8	Kênh Nguyễn Văn Tiếp A	44	I	
9	Kênh Tân Thành - Lò Gạch	55	I	
10	Sông Sở Thượng - Sở Hạ	46	II	
11	Kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	44	I	
12	Kênh Phước Xuyên	52	I	
13	Kênh 2/9	27	II	
14	Kênh Kháng Chiến	29	II	

II. CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG KÊNH LUÂN CHUYỂN NƯỚC SÔNG TIỀN - SÔNG HẬU

TT	Tên dự án	Chiều dài (km)	Cấp kênh	Mục tiêu
1	Rạch Cái Tàu Thượng	12	II	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh (nạo vét, hoàn thiện hệ thống đê bao kết hợp đường giao thông, bến tập kết hàng hoá, kè chống sạt lở bờ kênh) nhằm luân chuyển nguồn nước (cung cấp nước tưới, điều hoà nguồn nước, chống ngập úng) kết hợp giao thông thuỷ bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
2	Sông Lấp Vò - Kênh Xáng Lấp Vò	23	I	
3	Sông Sa Đéc	27	I	
4	Kênh Dương Hòa - Long Thắng	18	II	
5	Kênh Nha Mân - Tư Tả	17	II	
6	Kênh Xẻo Mát Cái Vồn	16	II	

III. XÂY DỰNG MỚI VÀ NÂNG CẤP HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (ĐÊ BAO, BỜ BAO, CỐNG, TRẠM BOM, CẦU GIAO THÔNG, ...)

TT	Tên dự án	Nâng cấp	Xây dựng mới	Mục tiêu
1	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ tháng 8	188	4	Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ ổn định và chuyển đổi sản xuất nông nghiệp bền vững
2	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ chủ động	266	9	
3	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ triệt để	653	66	

IV. KHẮC PHỤC SẠT LỎ HỆ THỐNG SÔNG, KÊNH TRỤC CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

TT	Tên dự án	Mục tiêu
1	Gia cố sạt lở kênh Đốc Phủ Hiền thuộc xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
2	Gia cố khắc phục các vị trí sạt lở rạch Nha Môn Tư Tả và rạch Xẻo Mát - Cái Vồn thuộc huyện Châu Thành	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
3	Phòng chống sạt lở kết hợp chỉnh trang và phát triển đô thị ven kênh Nguyễn Văn Tiếp A, kênh Tư Mới và kênh Phước Xuyên	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất kết hợp chỉnh trang đô thị phục vụ phát triển kinh tế xã hội
4	Kè chống sạt lở sông Tiền và Kè chợ cũ Lấp Vò, huyện Lấp Vò	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
5	Kè chống sạt lở sông Tiền và Kè chống sạt lở bờ rạch Cái Dầu huyện Thanh Bình	
6	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền đoạn qua xã Long Thuận - huyện Hồng Ngự	
7	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền khu vực xã Tân Quới và xã Tân Bình - huyện Thanh Bình	
8	Kè khu vực xã An Phong - huyện Thanh Bình	
9	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền xã An Hiệp - huyện Châu Thành	
10	Nạo vét chỉnh trị các bãi bồi, cồn nổi sông Tiền	

TT	Tên dự án	Mục tiêu
11	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực An Lạc, thành phố Hồng Ngự và khu vực Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
12	Xử lý sạt lở sông Tiền tại xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	
13	Kè Hổ Cừ (từ kè giai đoạn nối dài đến cầu Cao Lãnh)	
14	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền đoạn từ cầu Cao Lãnh đến vàm Long Hội, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	
15	Nâng cấp tuyến đê bao, chống sạt lở và xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền tại thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	
16	Xử lý sạt lở khu vực đầu cù lao Châu Ma (Cù Lao Tây), xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	

V. HỒ THỦY LỢI ĐA MỤC TIÊU

TT	Tên dự án	Quy mô	Ghi chú	Mục tiêu
1	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Hồng Ngự	92 ha	Xây dựng mới	Đảm bảo an ninh nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế xã hội
2	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Tam Nông	1.300 ha	Xây dựng mới	
3	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Cao Lãnh	160 ha	Xây dựng mới	

VI. PHÁT TRIỂN THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG VÀ TƯỚI TIỀN TIẾN, TIẾT KIỆM NƯỚC

TT	Tên dự án	Mục tiêu
1	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến thành phố Hồng Ngự	Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi nội đồng thích ứng biến đổi khí hậu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp
2	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Hồng Ngự	
3	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Tam Nông	

TT	Tên dự án	Mục tiêu
4	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Thanh Bình	Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi nội đồng thích ứng biến đổi khí hậu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp
5	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến Cù Lao Tây, huyện Thanh Bình	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.